

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG HIỆN ĐẠI

Lê Thị Hương¹, Ngô Thị Mai²

Email: lthuong6@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1042

Tóm tắt: Bài viết nhằm làm rõ sự cần thiết và định hướng phát triển chương trình đào tạo ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện đại. Bài viết sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh và tiếp cận liên ngành, trên cơ sở nghiên cứu các quy định pháp luật, chính sách giáo dục, báo cáo của cơ quan quản lý và tài liệu học thuật trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình đào tạo luật hiện hành còn hạn chế về nội dung, phương pháp giảng dạy và mức độ gắn kết với thực tiễn pháp lý số. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các định hướng phát triển chương trình đào tạo theo hướng cập nhật nội dung gắn với công nghệ số, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường liên kết với thực tiễn nghề nghiệp, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc đổi mới đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ khoá: chương trình đào tạo luật, chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ lĩnh vực pháp luật, khiến các vấn đề như tranh chấp trong không gian mạng, dữ liệu số, AI hay thương mại điện tử ngày càng phổ biến. Điều này đòi hỏi nguồn nhân lực pháp lý phải có kiến thức công nghệ, năng lực số và tư duy liên ngành. Tuy nhiên, chương trình đào tạo luật hiện nay vẫn thiên về lý thuyết, chậm

cập nhật công nghệ và chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động số hóa. Vì vậy, đổi mới chương trình theo hướng tích hợp công nghệ và gắn với thực tiễn trở thành yêu cầu cấp thiết để chuẩn bị đội ngũ nhân lực pháp lý trong thời đại số.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu về phát triển chương trình đào tạo ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số, bài viết vận

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

² Học viện Tòa án

dụng ba học thuyết giáo dục hiện đại làm cơ sở lý luận, gồm: Thuyết kiến tạo (Constructivism), Thuyết học tập xã hội (Social Learning Theory) và Thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning Theory). Các học thuyết này định hướng việc thiết kế mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong đào tạo luật, đặc biệt trong điều kiện môi trường học tập và hành nghề ngày càng số hóa.

2.1. Thuyết kiến tạo (Constructivism)

Thuyết kiến tạo cho rằng tri thức không được truyền thụ một chiều từ người dạy sang người học mà được người học chủ động kiến tạo thông qua trải nghiệm, tương tác và phản tư (Piaget, 1972; Vygotsky, 1978). Học tập vì vậy là một quá trình tích cực, trong đó người học xây dựng hiểu biết mới trên nền tảng tri thức và kinh nghiệm sẵn có. Trong giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp, thuyết kiến tạo nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập gắn với thực tiễn và khuyến khích tư duy phản biện, còn người dạy giữ vai trò thiết kế và tổ chức hoạt động học tập (Fosnot, 2013).

2.2. Thuyết học tập xã hội (Social Learning Theory)

Theo Bandura (1977), con người học tập chủ yếu thông qua quan sát, mô phỏng và tương tác xã hội, trong đó hành vi và chuẩn mực nghề nghiệp được hình thành qua quá trình tiếp xúc với cộng đồng thực hành. Vận dụng vào đào tạo luật trong bối cảnh chuyển đổi số, thuyết học tập xã hội cho thấy sự cần thiết phải tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo với tòa án, văn phòng luật sư, doanh nghiệp, tổ chức trọng tài và các chủ thể cung cấp dịch vụ pháp lý số. Các mô hình như legal clinic, thực tập nghề nghiệp hay sự tham

gia của chuyên gia thực tiễn vào giảng dạy giúp sinh viên từng bước hình thành năng lực hành nghề phù hợp với môi trường pháp lý số hóa.

2.3. Thuyết học tập trải nghiệm (Experiential Learning Theory)

Thuyết học tập trải nghiệm do Kolb (1984) phát triển coi học tập là một chu trình gồm trải nghiệm, phản tư, khái quát hóa và vận dụng. Theo học thuyết này, tri thức chỉ thực sự có ý nghĩa khi người học được trực tiếp tham gia vào hoạt động thực tiễn và có cơ hội phản tư. Trong đào tạo nghề nghiệp, học tập trải nghiệm là nền tảng hình thành kỹ năng và năng lực hành nghề thông qua các hoạt động như thực tập, mô phỏng nghề nghiệp và giải quyết tình huống thực tiễn (Moon, 2004).

2.4. Thực trạng chương trình đào tạo ngành luật ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, chương trình đào tạo ngành luật tại Việt Nam còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực hành và chưa theo kịp xu hướng số hóa.

Các học phần hiện chưa chú trọng trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ như xử lý hồ sơ điện tử, mô phỏng phiên tòa hay sử dụng phần mềm pháp lý. Nhiều lĩnh vực pháp lý mới như bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng hay hợp đồng thông minh cũng chưa được cập nhật. Phương pháp giảng dạy vẫn truyền thống, thiếu tương tác và ít ứng dụng công nghệ, trong khi liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp còn lỏng lẻo, khiến nội dung đào tạo thiếu tính thực tiễn. Những hạn chế này làm sinh viên ngành luật gặp khó khăn khi bước vào môi trường làm việc hiện đại, đòi hỏi chương trình đào tạo phải sớm được cải tiến toàn diện.

Thứ hai, chương trình đào tạo luật hiện nay chưa theo kịp sự phát triển của các lĩnh vực pháp lý mới do công nghệ mang lại.

Các nội dung như Luật an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thương mại điện tử hay hợp đồng thông minh vẫn vắng mặt hoặc chỉ được đề cập sơ lược, trong khi đây là những lĩnh vực phát sinh nhiều vấn đề pháp lý và có nhu cầu nhân lực cao, đặc biệt tại các doanh nghiệp công nghệ và fintech. Việc thiếu nền tảng kiến thức chuyên sâu khiến sinh viên khó thích ứng với môi trường làm việc hiện đại và giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động số hóa.

Thứ ba, phương pháp giảng dạy còn mang tính truyền thống, chủ yếu dựa vào hình thức thuyết giảng một chiều từ giảng viên.

Cách tiếp cận này khiến sinh viên học thụ động, tiếp thu kiến thức máy móc và thiếu cơ hội trao đổi, phản biện hay vận dụng vào tình huống cụ thể. Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy cũng còn hạn chế; các hình thức như lớp học trực tuyến, bài giảng số hóa, mô phỏng tổ tụng hay nền tảng đánh giá pháp lý trực tuyến chưa được triển khai rộng rãi hoặc thiếu chiều sâu. Hệ quả là sinh viên khó làm quen với môi trường pháp lý số hóa, nơi công nghệ đang thay thế dần nhiều thao tác truyền thống.

Thứ tư, sự liên kết lỏng lẻo giữa nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động như doanh nghiệp, cơ quan tư pháp và tổ chức hành nghề luật.

Mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp còn hình thức, khiến chương trình đào tạo chậm cập nhật theo nhu cầu thực tiễn. Sinh viên ít cơ hội thực tập hoặc tham gia mô phỏng nghề nghiệp nên thiếu

kinh nghiệm, kỹ năng tác nghiệp và định hướng nghề rõ ràng. Công tác tư vấn nghề nghiệp cũng chưa phản ánh các xu hướng pháp lý mới như luật công nghệ, bảo mật dữ liệu hay tư vấn pháp lý doanh nghiệp. Nếu không tăng cường kết nối với thị trường lao động, chương trình đào tạo luật khó đáp ứng yêu cầu của xã hội số hóa.

Thứ năm, chưa chú trọng đúng mức đến phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng số cho sinh viên là hai năng lực thiết yếu trong bối cảnh chuyển đổi số.

Dù được trang bị kiến thức pháp lý nền tảng, nhiều sinh viên vẫn thiếu tự tin trong giao tiếp, làm việc nhóm, phản biện và sử dụng công nghệ phục vụ công việc. Việc chưa được tiếp cận với các công cụ hỗ trợ pháp lý hiện đại như phần mềm quản lý hồ sơ, mô phỏng tổ tụng hay công cụ AI khiến họ gặp khó khăn khi bước vào môi trường làm việc thực tiễn (Võ & Nguyễn, 2024). Do đó, cần tích hợp phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng số vào chương trình đào tạo một cách bài bản, nhằm nâng cao năng lực thích ứng và cạnh tranh cho sinh viên trong thị trường lao động số hóa.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu nhằm làm rõ cơ sở lý luận về chuyển đổi số và những yêu cầu mới đối với đào tạo pháp lý. Tác giả thu thập, đối chiếu các văn bản pháp luật, báo cáo của tổ chức quốc tế và các công trình nghiên cứu liên quan, đồng thời phân tích thực trạng chương trình đào tạo luật tại Việt Nam trên cơ sở tổng hợp kết quả khảo sát và nghiên cứu trước đó. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được vận dụng để tham chiếu xu hướng đổi mới đào tạo luật ở một số quốc gia, làm cơ sở đề xuất định hướng phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Định hướng phát triển chương trình đào tạo ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số

4.1.1. Cập nhật và mở rộng nội dung đào tạo

Thứ nhất, mở rộng phạm vi pháp luật để bao quát các lĩnh vực mới do công nghệ tạo ra

Truyền thống đào tạo luật chủ yếu tập trung vào các ngành luật cơ bản, trong khi sự phát triển của công nghệ đã tạo ra nhiều lĩnh vực pháp lý mới đòi hỏi cách tiếp cận khác biệt. Vì vậy, chương trình cần bổ sung các học phần độc lập như “Pháp luật về dữ liệu và quyền riêng tư”, “Luật an ninh mạng”, “Luật công nghệ tài chính”, “Trí tuệ nhân tạo và pháp luật” hay “Blockchain và tài sản số” (Nguyễn & cộng sự, 2021). Các học phần này không chỉ truyền đạt quy định pháp luật, mà còn phải rèn luyện tư duy phân tích hiện tượng công nghệ dưới góc độ pháp lý và nhận diện giới hạn của quyền lực điều tiết trong không gian số.

Thứ hai, pháp lý liên ngành: từ đơn ngành sang tiếp cận tích hợp

Một trong những đặc điểm quan trọng của kỷ nguyên số là tính liên ngành. Trong môi trường mà các vấn đề pháp lý nảy sinh từ sự giao thoa giữa công nghệ, tài chính, truyền thông, và khoa học dữ liệu, người làm nghề luật không thể chỉ vận hành dựa trên nền tảng luật học truyền thống. Thay vào đó, họ phải có khả năng hiểu biết công nghệ ở mức cơ bản, nhận diện được các nguy cơ pháp lý trong các hệ thống kỹ thuật và giao dịch kỹ thuật số.

Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo cần được tích hợp thêm các thành phần kiến thức cơ bản về khoa học dữ liệu, quản

trị hệ thống thông tin, kỹ thuật bảo mật, lập trình cơ bản, thuật toán phân tích dữ liệu pháp lý. Việc hợp tác liên khoa giữa ngành Luật và Công nghệ thông tin trong đào tạo là một giải pháp khả thi, đã được triển khai thành công tại nhiều cơ sở đào tạo quốc tế như Harvard, Stanford hay NUS (World Bank, 2022).

Thứ ba, kỹ năng pháp lý trong môi trường số: từ văn bản đến năng lực số hóa

Sinh viên ngành Luật không chỉ cần biết cách tra cứu văn bản pháp luật truyền thống, mà còn phải thành thạo việc sử dụng các công cụ pháp lý số biết cách xây dựng lập luận pháp lý trong môi trường trực tuyến, tổ chức hồ sơ số hóa, thẩm định hợp đồng điện tử, quản lý chứng cứ số và tranh tụng qua nền tảng trực tuyến (Schmitz, 2022).

Thứ tư, tư duy toàn cầu và năng lực so sánh pháp luật

Người học phải có khả năng phân tích khác biệt pháp lý giữa các quốc gia và hiểu các chuẩn mực quốc tế về quyền con người trên không gian mạng, thương mại điện tử xuyên biên giới hay cơ chế bảo vệ dữ liệu như GDPR (EU), APEC hoặc ASEAN (OECD, 2021). Chương trình cũng cần mời giảng viên và chuyên gia quốc tế, hội thảo song ngữ, đồng thời khuyến khích sinh viên tiếp cận tài liệu quốc tế và tham gia các khóa học pháp lý số trên Coursera, edX hoặc FutureLearn.

Thứ năm, thiết kế chương trình theo hướng cá nhân hóa - thích ứng - linh hoạt

Một xu hướng mới trong đào tạo hiện nay là mô hình “học tập cá nhân hóa” trong đó người học được lựa chọn lộ trình riêng tùy theo mục tiêu nghề nghiệp, năng lực nền và sở thích chuyên ngành. Trong đào tạo luật, điều này có thể được thể hiện

qua hệ thống học phần tự chọn theo nhóm chuyên đề như:

- Nhóm học phần về “Pháp luật và công nghệ”,
- Nhóm học phần “Luật và kinh doanh số”,
- Nhóm học phần “Trọng tài và tư pháp trực tuyến”,
- Nhóm học phần “Pháp luật quốc tế trong môi trường số” (Trần, 2022).

4.1.2. *Đổi mới phương pháp giảng dạy*

Thứ nhất, chuyển từ phương pháp giảng dạy truyền thống sang học tập tích cực

Phương pháp giảng dạy pháp luật truyền thống thường mang tính hình thức, truyền đạt một chiều và thiên về ghi nhớ lý thuyết, nên bị đánh giá là chưa phát triển tư duy phản biện. Trong khi đó, các mô hình dạy học tích cực đã chứng minh hiệu quả trong việc rèn luyện tư duy độc lập, lập luận sắc bén và khả năng xử lý tình huống pháp lý phức tạp (Nguyễn, 2023). Thay vì yêu cầu sinh viên ghi nhớ quy định, giảng viên có thể sử dụng vụ việc giả định hoặc án lệ để họ phân tích và tranh luận.

Thứ hai, tăng cường ứng dụng công nghệ trong giảng dạy

Chuyển đổi số mang đến nhiều công cụ hỗ trợ giảng dạy luật như các hệ thống LMS (Moodle, Canvas), nền tảng thi trực tuyến, kho dữ liệu pháp luật mở, phần mềm tra cứu thông minh, mô phỏng pháp lý và AI hỗ trợ nghiên cứu án lệ hoặc chatbot pháp lý (Trần, 2022). Giảng viên cần được tập huấn để tích hợp các công cụ này vào dạy học nhằm tăng tính cá nhân hóa và khả năng tiếp cận tri thức cho sinh viên. Nhiều trường đại học tại Singapore, Hàn Quốc và Bắc Âu đã ứng dụng AI để

tạo ngân hàng câu hỏi phù hợp năng lực người học hoặc phản hồi tự động trong tòa án mô phỏng (World Bank, 2020). Tại Việt Nam, lớp học tích hợp công nghệ mới ở giai đoạn thí điểm nhưng cho thấy tín hiệu tích cực, với các trường như Đại học Luật TP.HCM, Đại học Luật Hà Nội và một số đơn vị thuộc ĐHQG triển khai lớp học số, blended learning và học liệu mở.

Thứ ba, học tập theo dự án và học qua thực hành

Trong đào tạo luật, điều này có thể thực hiện qua các mô hình như phòng tư vấn pháp luật cộng đồng, thực tập tại tòa án, văn phòng luật sư, cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp số. Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên phân tích và giải quyết tình huống thực tế thay vì chỉ giảng giải quy phạm. Kết quả học tập được đánh giá không chỉ bằng điểm thi mà còn qua sản phẩm thực hành như bài tư vấn pháp lý, phân tích hợp đồng điện tử, video tranh tụng mô phỏng hay báo cáo phản biện chính sách (Harvard Law School, 2022). Mô hình giáo dục pháp lý thực hành cũng phù hợp với khuyến nghị của Liên Hợp Quốc, Ngân hàng Thế giới và các hiệp hội nghề nghiệp về chuẩn đào tạo luật sư trong kỷ nguyên số (UNODC, 2019).

Thứ tư, tăng cường kết nối giữa giảng viên - sinh viên - chuyên gia thực tiễn

Các học phần nên được thiết kế có sự tham gia của chuyên gia thực hành, luật sư, trọng tài viên, chuyên viên pháp chế doanh nghiệp, chuyên gia an ninh mạng... nhằm cung cấp góc nhìn thực tiễn sinh động, cập nhật và phản biện các tiếp cận học thuật.

4.1.3. *Gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động*

Thứ nhất, thiết kế chương trình theo năng lực nghề nghiệp đầu ra

Cần chuyển từ cách thiết kế chương trình dựa trên nội dung môn học sang mô hình giáo dục định hướng năng lực (OBE), trong đó năng lực pháp lý được xác định theo yêu cầu của thị trường lao động. Sinh viên ngành Luật phải được chuẩn bị để đảm nhiệm các vị trí như luật sư công nghệ, cố vấn pháp lý doanh nghiệp số, chuyên gia pháp chế fintech hay chuyên viên pháp lý quốc tế. Trên cơ sở đó, chương trình cần xây dựng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá, bảo đảm năng lực nghề nghiệp được hình thành một cách hệ thống và thực chất (Trần, 2022).

Thứ hai, tăng cường vai trò của doanh nghiệp và tổ chức nghề nghiệp trong đào tạo

Một yếu tố then chốt để chương trình đào tạo gắn với thực tiễn là tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức hành nghề luật. Việc thành lập hội đồng tư vấn với đại diện từ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Trung tâm Trọng tài Quốc tế và doanh nghiệp đa quốc gia sẽ giúp phản ánh đúng nhu cầu thị trường và xu hướng hành nghề mới. Đồng thời, mời chuyên gia thực tiễn tham gia giảng dạy, xây dựng tình huống nghề nghiệp và đánh giá kết quả học tập sẽ thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn (Nguyễn, 2023).

Thứ ba, phát triển mô hình đào tạo tích hợp thực tiễn

Mô hình này cần được phát triển như một cấu phần chính thức trong chương trình đào tạo, không chỉ dưới dạng học kỳ thực tập cuối khóa. Các hình thức tích hợp thực tiễn có thể bao gồm:

- Tổ chức học kỳ thực tập tại tòa án, viện kiểm sát, văn phòng luật sư, công ty luật quốc tế, doanh nghiệp công nghệ pháp lý;

- Triển khai các dự án lâm sàng trong đó sinh viên cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật dưới sự giám sát của giảng viên và luật sư;

- Tổ chức các cuộc thi nghề nghiệp như phiên tòa giả định xử lý vi phạm dữ liệu cá nhân, tư vấn hợp đồng thông minh, tranh tụng trực tuyến.

Những hoạt động này giúp sinh viên làm quen với môi trường nghề nghiệp thực tế, rèn luyện kỹ năng và tăng khả năng thích ứng sau khi ra trường (Harvard Law School, 2022).

Thứ tư, định hướng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực pháp lý

Chương trình đào tạo cần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực pháp lý, đặc biệt là ứng dụng công nghệ trong cung cấp dịch vụ pháp luật. Các học phần như “Pháp luật sở hữu trí tuệ”, “Luật thương mại số”, “Khởi nghiệp và pháp luật” nên được thiết kế để giúp sinh viên hiểu vai trò của pháp lý trong xây dựng ý tưởng, bảo vệ tài sản trí tuệ, gọi vốn và phát triển sản phẩm công nghệ (World Bank, 2020). Nhà trường có thể tổ chức các cuộc thi ý tưởng, hỗ trợ vườn ươm pháp lý, kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế.

4.2. Kiến nghị phát triển chương trình đào tạo ngành luật trong bối cảnh chuyển đổi số

Thứ nhất, tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo và thị trường lao động

Các cơ sở đào tạo cần xây dựng chương trình theo chuẩn đầu ra định hướng năng lực, tập trung vào các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi như tư duy phản biện pháp lý, giải quyết tranh chấp trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong hành

nghe luật và giao tiếp trong môi trường số. Đồng thời, cần duy trì cơ chế tham vấn thường xuyên với các đơn vị sử dụng lao động doanh nghiệp, cơ quan tư pháp, tổ chức hành nghề luật sư, trọng tài, công chứng... để bảo đảm chương trình luôn cập nhật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

UNESCO (2022) nhấn mạnh rằng mức độ gắn kết giữa cơ sở giáo dục và thị trường lao động là yếu tố quyết định khả năng có việc làm của người học. Tại Việt Nam, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi 2019) cũng khẳng định trách nhiệm của các cơ sở đào tạo trong việc mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, qua đó giúp hoạt động đào tạo sát hơn với nhu cầu xã hội.

Thứ hai, phát triển mô hình hợp tác đại học - doanh nghiệp trong đào tạo pháp lý

Các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, trọng tài, tòa án, viện kiểm sát... nên tham gia xây dựng chương trình, phản biện học liệu và cung cấp tình huống pháp lý thực tế cho giảng dạy. Các mô hình như legal clinic, luật sư tập sự và thực tập pháp lý theo hợp đồng cần được mở rộng và thể chế hóa để bảo đảm chất lượng. OECD (2019b) cũng khẳng định rằng học tập dựa trên công việc thực tiễn là phương thức hiệu quả để thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.

Thứ ba, đổi mới hình thức thực tập và đào tạo thực hành

Đào tạo thực hành và thực tập nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong việc chuyển hóa kiến thức lý luận thành kỹ năng hành nghề. Thực tập tại tòa án, viện kiểm sát, văn phòng luật sư hay tổ chức trợ giúp pháp lý giúp sinh viên tiếp cận môi trường nghề nghiệp và hình thành các kỹ năng, chuẩn mực đạo đức cần thiết.

Tuy nhiên, khảo sát của Bộ giáo dục và đào tạo (2021) cho thấy 42% sinh viên ngành Luật đánh giá kỳ thực tập chưa đáp ứng yêu cầu do thiếu định hướng và sự phối hợp giữa giảng viên và đơn vị tiếp nhận. Vì vậy, cần chuẩn hóa khung thực tập, xác định rõ tiêu chí đánh giá đầu ra và tăng cường phối hợp ba bên (trường - sinh viên - đơn vị tiếp nhận) trong toàn bộ quá trình tổ chức và đánh giá.

Thứ tư, đề xuất chính sách hỗ trợ từ Nhà nước

Để triển khai hiệu quả các định hướng đổi mới, chính sách hỗ trợ từ Nhà nước giữ vai trò then chốt. Một số kiến nghị chính gồm:

Một là, ban hành cơ chế tài chính ưu đãi cho các cơ sở đào tạo luật trong việc phát triển chương trình tích hợp công nghệ, xây dựng nền tảng học tập số, số hóa học liệu và triển khai các mô hình dạy học hiện đại như phiên tòa ảo hay lớp học thông minh.

Hai là, thúc đẩy mô hình đối tác công - tư (PPP) nhằm huy động nguồn lực doanh nghiệp cho hoạt động đào tạo, tài trợ học bổng thực tập và đầu tư trang thiết bị công nghệ.

Ba là, xây dựng hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng riêng đối với các chương trình đào tạo pháp lý có yếu tố số hóa, tạo điều kiện đổi mới linh hoạt, phù hợp với bối cảnh công nghệ mà không bị ràng buộc bởi các chuẩn quản lý lạc hậu.

Bốn là, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp, Bộ giáo dục và đào tạo và Bộ thông tin và truyền thông để xây dựng Khung năng lực số cho người hành nghề pháp luật, làm căn cứ đào tạo giảng viên và thiết kế chương trình đào tạo phù hợp yêu cầu chuyển đổi số.

V. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ môi trường pháp lý và nhu cầu nhân lực, chương trình đào tạo ngành luật cần được điều chỉnh toàn diện để đáp ứng yêu cầu mới. Mô hình đào tạo truyền thống không còn phù hợp khi công nghệ số, AI, dữ liệu lớn và blockchain đang định hình lại hệ thống kỹ năng của người hành nghề luật. Vì vậy, chương trình cần tích hợp nội dung liên ngành, tăng cường năng lực số, tư duy phản biện và khả năng ứng dụng công nghệ pháp lý, đồng thời mở rộng liên kết với doanh nghiệp và thúc đẩy học tập trải nghiệm. Đổi mới theo hướng này sẽ giúp hình thành đội ngũ pháp lý hiện đại, có khả năng thích ứng và đáp ứng hiệu quả yêu cầu của quá trình chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bandura, A. (1977). *Social learning theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Báo cáo khảo sát thực trạng tổ chức thực tập tại các cơ sở giáo dục đại học ngành Luật*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Fosnot, C. T. (2013). *Constructivism: Theory, perspectives, and practice* (2nd ed.). New York, NY: Teachers College Press.
- [4]. Goh, Y. (2024). *Artificial intelligence in judicial training and education: Potential use of artificial intelligence in training and education of judges* [Speech]. Inaugural Singapore-India Conference on Technology, Supreme Court of Singapore. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/justice-goh-yihan-speech-at-the-inaugural-singapore-india-conference-on-technology>.
- [5]. Harvard Law School. (2022). *Experiential Legal Education: Global Best Practices*. Harvard Press.
- [6]. Heaphy, M. (2025). How are courts adopting AI in the Asia Pacific region?. *Thomson Reuters*. <https://insight.thomsonreuters.com.au/legal/posts/how-are-courts-adopting-ai-in-the-asia-pacific-region?>
- [7]. Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [8]. Lê, H. (2025, January 23). Một số vấn đề về xác thực, quản lý tài sản trí tuệ kỹ thuật số đối với Blockchain và quyền sở hữu trí tuệ. *Tạp chí điện tử Pháp lý*. <https://phaply.net.vn/mot-so-van-de-ve-xac-thuc-quan-ly-tai-san-tri-tue-ky-thuat-so-doi-voi-blockchain-va-quyen-so-huu-tri-tue-a258885.html>.
- [9]. Moon, J. A. (2004). *A handbook of reflective and experiential learning: Theory and practice*. London, UK: RoutledgeFalmer.
- [10]. Ngô, T. L. (2025). *Chuyển đổi số tác động lên thị trường lao động*. Lao động. <https://laodong.vn/cong-doan/chuyen-doi-so-tac-dong-len-thi-truong-lao-dong-1451591.ldo>.
- [11]. Nguyễn, T. Q. A. (Chủ biên), Trần, K., & Đỗ, G. N. (2021). *Luật tư trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (tr. 129-142). Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12]. Nguyễn, V. Q. (2023). Đổi mới phương pháp giảng dạy Luật: Từ lý thuyết đến thực tiễn. *Tạp chí Luật học*, 4, 36-42.
- [13]. OECD. (2019a). *OECD skills strategy 2019: Skills to shape a better future*. OECD Publishing.
- [14]. OECD. (2019b). *Work-based learning: Professionalising education*. (OECD Education Policy Perspectives, No. 5).
- [15]. OECD. (2021). *Data Governance for Growth and Well-being*. Paris: OECD Publishing.
- [16]. Phong Vũ. (2025). Đổi mới công tác giảng dạy đại học trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và các giải pháp thực

- hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. <https://vjst.vn/doi-moi-cong-tac-giang-day-dai-hoc-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-cac-giai-phap-thuc-hien-nghiquyet-so-57-nq-tw-74616.html>.
- [17]. Piaget, J. (1972). *The psychology of the child*. New York, NY: Basic Books.
- [18]. Richter, M. (2025, August 18). How AI is transforming the legal profession. Thomson Reuters. <https://legal.thomsonreuters.com/blog/how-ai-is-transforming-the-legal-profession/>.
- [19]. Schmitz, A. J. (2022). Expanding Access to Remedies through E-Court Initiatives, *International Journal for Court Administration*, 13(1), pp. 3-8.
- [20]. Tiến Thịnh. (2023). Chuyển đổi số, linh hoạt kết nối việc làm cho người lao động: <https://dantri.com.vn/lao-dong-viec-lam/chuyen-doi-so-linh-hoat-ket-noi-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-20230608090159311.htm>.
- [21]. Trần, T. H. M. (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học - yêu cầu tái cấu trúc chương trình đào tạo. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 5, 16-17.
- [22]. UNESCO. (2022). Reimagining our futures together: A new social contract for education. UNESCO.
- [23]. UNODC. (2019). Education for justice (E4J): University module series - integrity and ethics. United Nations.
- [24]. Võ, D. Đ., & Nguyễn, V. C. (2024). Sự chuyển đổi ngành luật Việt Nam dưới ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Tài chính*, 2(837), 167-169. <https://tapchitaichinh.vn/su-chuyen-doi-nganh-luat-viet-nam-duoi-anh-huong-cua-tri-tue-nhan-tao.html>.
- [25]. Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- [26]. White, S. (2024). *How AI is reshaping the future of legal practice*. The Law Society. <https://www.lawsociety.org.uk/topics/ai-and-lawtech/partner-content/how-ai-is-reshaping-the-future-of-legal-practice>.
- [27]. World Bank. (2020). *The Future of Education in the Digital Age* (tr. 22). Washington D.C.
- [28]. World Bank. (2022). *Digital Skills: What is the role of higher education?*. Washington D.C., tr. 10-19.

DEVELOPING LEGAL TRAINING PROGRAMS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE MODERN LABOR MARKET

Le Thi Huong¹, Ngo Thi Mai²

Abstract: *This article aims to clarify the necessity and directions for developing legal training programs in the context of digital transformation to meet the requirements of the modern labor market. The study employs methods of analysis, document synthesis, comparison, and an interdisciplinary approach, based on an examination of legal regulations, educational policies, reports from managing authorities, and academic literature, both domestically and internationally. The research findings indicate that current legal training programs remain limited in terms of content, teaching methods, and the degree of integration with digital legal practice. On this basis, the article proposes directions for curriculum development, including updating content to incorporate digital technologies, innovating teaching methods, and strengthening linkages with professional practice. These proposals contribute to providing a scientific foundation for reforming legal education in the context of digital transformation.*

Keywords: *legal training program, digital transformation, Fourth Industrial Revolution 4.0*

¹ Hanoi Open University

² Vietnam Court Academy